

**TÀI LIỆU GIỚI THIỆU LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU  
CỦA LUẬT SĨ QUAN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM**  
(*Tài liệu dành cho Báo cáo viên pháp luật  
các cấp trên địa bàn tỉnh Điện Biên*)

Ngày 28/11/2024, tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/12/2024 với những nội dung cơ bản như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT SĨ QUAN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM**

**1. Cơ sở chính trị**

Quân đội nhân dân Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập và lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt. Để xây dựng đội ngũ sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam vững mạnh đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội tinh, gọn, mạnh, hiện đại, sẵn sàng chiến đấu và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, những năm qua, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận có nội dung liên quan đến xây dựng đội ngũ sĩ quan Quân đội nhân dân, như: Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 17/01/2022 của Bộ Chính trị về tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021- 2030 và những năm tiếp theo giao: “Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo phối hợp với các cơ quan tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật có liên quan đến công tác quốc phòng, quân sự; sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật có liên quan đến cơ cấu, chức vụ, trần quân hàm của sĩ quan cấp tướng”, Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở; Nghị quyết số 44-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới xác định: “Xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; ưu tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng... Đến năm 2025, cơ bản xây dựng Quân đội nhân dân tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, làm nòng cốt trong sự nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”; Kết luận của Bộ Chính trị tại Văn bản số 10809-CV/VPTW ngày 06/8/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng, trong đó Bộ Chính trị đồng ý chủ trương trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ

quan Quân đội nhân dân Việt Nam tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV theo quy trình một kỳ họp và theo trình tự, thủ tục rút gọn và một số cơ chế, chính sách đặc biệt đối với sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

## 2. Cơ sở pháp lý

Từ khi Luật Sĩ quan năm 1999 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2008 và năm 2014 có hiệu lực thi hành đến nay, nhiều văn bản quy phạm pháp luật được ban hành, như: Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, Bộ luật Lao động, Luật Nhà ở, Luật Bảo hiểm xã hội..., nên cần phải sửa đổi, bổ sung Luật Sĩ quan để bảo đảm thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, phù hợp với tính chất, nhiệm vụ của Quân đội “là ngành lao động đặc biệt”.

## 3. Cơ sở thực tiễn

*Thứ nhất*, Luật Sĩ quan hiện hành (Điều 11) chỉ quy định 11 chức vụ cơ bản của sĩ quan là cấp trưởng, không quy định chức vụ cơ bản là cấp phó, nên chưa cụ thể hóa các chức danh, chức vụ theo quy định của Bộ Chính trị; chưa quy định đầy đủ các chức danh, chức vụ có thẩm quyền chỉ huy, quản lý trong Quân đội nên chưa khẳng định được vị trí, vai trò, chức trách, nhiệm vụ của chức vụ có thẩm quyền và phân định quyền hạn cấp trên, cấp dưới trong chỉ huy, chấp hành điều lệnh, điều lệ, kỷ luật Quân đội. Mặt khác, cũng không quy định chức vụ, chức danh tương đương đối với cấp phó nên việc xác định chức vụ, chức danh tương đương đối với cấp phó và sĩ quan không giữ chức vụ chỉ huy, quản lý gặp khó khăn.

*Thứ hai*, Điều 13 Luật Sĩ quan quy định hạn tuổi phục vụ tại ngũ cao nhất của sĩ quan (cấp úy 46; Thiếu tá 48; Trung tá 51; Thượng tá 54; Đại tá nam 57, nữ 55 và cấp tướng nam 60, nữ 55) chưa tận dụng được nguồn nhân lực có bản lĩnh, năng lực, kinh nghiệm, sức khỏe; chưa bảo đảm chế độ, chính sách cho một bộ phận sĩ quan khi nghỉ hưu theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

*Thứ ba*, khoản 1 Điều 15 Luật Sĩ quan quy định cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ, chức danh của sĩ quan là cấp tướng; tuy nhiên, một số đơn vị đã có sự điều chỉnh, phát triển về quy mô tổ chức, biên chế, bổ sung chức năng, nhiệm vụ và được điều chỉnh chức danh, chức vụ nhưng chưa được quy định cụ thể trong Luật; do đó, cần phải rà soát, bổ sung, điều chỉnh, bảo đảm cân đối giữa các cơ quan, đơn vị trong toàn quân, thể hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của Quân đội là đội quân chiến đấu, đội quân công tác và đội quân lao động sản xuất.

Khoản 4 Điều 15 quy định cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ, chức danh của sĩ quan là cấp tướng của đơn vị thành lập mới do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định; tuy nhiên, thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đã lãnh đạo, điều chỉnh tổ chức Quân đội, một số đơn vị không thay đổi về tên gọi nhưng có sự điều chỉnh, phát triển về quy mô tổ chức, biên chế và bổ sung chức năng, nhiệm vụ đã gặp vướng mắc trong đề nghị cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ, chức danh sĩ quan là cấp tướng, do chưa có sự thống nhất cách hiểu để các đơn vị này được xem là “đơn vị thành

*lập mới*”, nên không thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định tại khoản 4 nêu trên.

*Thứ tư*, một số nội dung của Luật chưa giao cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết như tiêu chí, tiêu chuẩn được xét thăng quân hàm vượt bậc và thăng quân hàm, nâng lương sĩ quan trước thời hạn, phong quân hàm sĩ quan dự bị; chế độ nghỉ của sĩ quan và một số chính sách về bảo hiểm xã hội, nhà ở, đất ở, chăm sóc sức khỏe, trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương... quy định chưa cụ thể nên hiệu quả triển khai thực hiện Luật chưa cao.

Vì vậy, việc ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam là yêu cầu cấp thiết, nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý để xây dựng đội ngũ sĩ quan đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT**

### **1. Mục đích**

- Tiếp tục thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về xây dựng đội ngũ sĩ quan.
- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; bảo đảm bí mật cơ cấu tổ chức của Quân đội.
- Bảo đảm tính khả thi của dự án Luật, phù hợp với điều kiện thực tế công tác cán bộ của Đảng và Quân đội.

### **2. Quan điểm chỉ đạo**

- Bảo đảm Quân đội nhân dân Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, thống lĩnh của Chủ tịch nước, quản lý của Chính phủ và chỉ huy, quản lý trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, phù hợp với thực tiễn xây dựng Quân đội tinh, gọn, mạnh, hiện đại.
- Chỉ sửa đổi những nội dung vướng mắc, bất cập.
- Việc sửa đổi, bổ sung Luật Sĩ quan phải giữ được chất lượng, vị thế, uy tín của đội ngũ sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam; không quy định những vấn đề cụ thể về tổ chức bộ máy và quân hàm cấp Trung tướng trở xuống để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với tính chất nhiệm vụ của Quân đội; cân đối giữa các cơ quan, đơn vị trong toàn quân.
- Phải bảo đảm giữ vững sự ổn định, tăng cường sức mạnh tổng hợp, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

## **III. BỐ CỤC CỦA LUẬT**

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam gồm 03 điều, cụ thể:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

Trong đó, sửa đổi, bổ sung về nội dung 14 điều; sửa về kỹ thuật (bổ sung, thay thế, bỏ một số từ, cụm từ của 06 điều, gồm: Điều 12, 25, 31, 37, 40, 43).

**Điều 2.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân số 37/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2023/QH15, Luật số 30/2023/QH15 và Luật số 38/2024/QH15 (*không thuộc phạm vi nêu tại chuyên đề này*).

**Điều 3.** Hiệu lực thi hành.

#### **IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT**

**1.** Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi năm 2024 (sửa đổi, bổ sung Điều 11 Luật Sĩ quan) về chức vụ cơ bản và chức vụ, chức danh tương đương của sĩ quan.

Luật điều chỉnh tăng từ 11 lên 17 chức vụ cơ bản của sĩ quan; bổ sung cấp phó: Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng Tham mưu trưởng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị và các chức vụ là cấp phó của cấp trưởng đến Phó Đại đội trưởng, Chính trị viên phó Đại đội.

Việc điều chỉnh như trên để phù hợp Kết luận số 35-KL/TW và ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị (Công văn số 7512-CV/VPTW, ngày 07/8/2023 của Văn phòng Trung ương Đảng) về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo, chỉ huy trong Công an nhân dân và Quân đội nhân dân<sup>1</sup>; Quân ủy Trung ương xây dựng Đề án về Danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo, chỉ huy, quản lý trong Quân đội nhân dân Việt Nam (Đề án số 573-ĐA/QUTW ngày 16/10/2023), trong đó quy định 17 nhóm chức vụ cơ bản, chia thành 27 bậc. Luật Sĩ quan hiện hành quy định có 11 chức vụ cơ bản trong khi cơ cấu tổ chức, biên chế trong Quân đội có nhiều thành phần, lực lượng (có 6.277 chức vụ, 12.310 chức danh) dẫn đến khi xây dựng các văn bản triển khai thực hiện không cụ thể hóa các chức vụ chức danh cho phù hợp với thực tiễn Quân đội. Mặt khác, do Luật không quy định cấp phó nên việc quy định phụ cấp chức vụ gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, việc bổ sung chức vụ cấp phó, điều chỉnh tăng từ 11 lên 17 chức vụ cơ bản của sĩ quan để làm cơ sở quy định các chức vụ, chức danh tương đương, phân định rõ cấp trên, cấp dưới và thực hiện chính sách cho sĩ quan là phù hợp, đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội trong giai đoạn mới.

**2.** Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi năm 2024 (sửa đổi, bổ sung Điều 13 Luật Sĩ quan) về tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan.

<sup>1</sup> Khoản 3 Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở, quy định: “*Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương xây dựng Đề án danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý, chỉ huy trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân bảo đảm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của Quân đội, Công an; đồng bộ, thống nhất với các chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương trong hệ thống chính trị; Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định.*”; tại Công văn số 7512-CV/VPTW ngày 07/8/2023 của Văn phòng Trung ương Đảng về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo, chỉ huy trong Công an nhân dân và Quân đội nhân dân, Bộ Chính trị chỉ đạo: “*Giao Đảng ủy Công an Trung ương, Quân ủy Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương rà soát, hoàn thiện hệ thống chức danh, chức vụ lãnh đạo, chỉ huy trong từng lực lượng và phê duyệt theo thẩm quyền để triển khai thực hiện, bảo đảm chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất, phù hợp với pháp luật, các qui định, kết luận của Bộ Chính trị về chức danh, chức vụ trong hệ thống chính trị.*”;

Luật tăng hạn tuổi cao nhất của sĩ quan phục vụ tại ngũ theo cấp bậc quân hàm, cụ thể: Cấp úy từ 46 lên 50 tuổi, Thiếu tá từ 48 lên 52 tuổi, Trung tá từ 51 lên 54 tuổi, Thượng tá từ 54 lên 56 tuổi, Đại tá nam từ 57 lên 58 tuổi, nữ từ 55 lên 58 tuổi; cấp tướng nam 60 giữ nguyên, nữ từ 55 lên 60 tuổi.

- Việc tăng hạn tuổi cao nhất của sĩ quan phục vụ tại ngũ để giữ gìn đội ngũ sĩ quan được đào tạo cơ bản, có bản lĩnh, trình độ, kinh nghiệm, sức khỏe và có thời gian phục vụ Quân đội dài hơn, giảm áp lực đào tạo cán bộ; phù hợp tính chất, nhiệm vụ của sĩ quan phải thường xuyên trực tiếp chỉ huy, quản lý, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu trong điều kiện khó khăn, gian khổ, đóng quân làm nhiệm vụ ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, biên đảo... Đồng thời, bảo đảm cho sĩ quan cấp Trung tá trở xuống khi nghỉ hưu có đủ số năm tham gia bảo hiểm xã hội để được hưởng lương hưu mức tối đa 75%, thể hiện chính sách ưu việt, làm cơ sở để thu hút, gìn giữ nguồn nhân lực phục vụ Quân đội. Mặt khác, việc tăng hạn tuổi phục vụ tại ngũ cao nhất của sĩ quan còn bảo đảm kịp thời phục vụ công tác nhân sự cán bộ cho Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

- Việc sửa đổi quy định về tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan nêu trên vẫn thấp hơn tuổi của người lao động nhưng đã tiệm cận cao nhất từ trước đến nay so với quy định của Bộ luật Lao động. Nêu tăng tuổi bằng tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường của Bộ luật Lao động hoặc bằng tuổi nghỉ hưu của sĩ quan Công an nhân dân sẽ không bảo đảm cho sĩ quan, nhất là sĩ quan ở các đơn vị đủ quân, sẵn sàng chiến đấu có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ và gây ùn tắc, dôi dư trong đội ngũ sĩ quan.

- Luật quy định tuổi của nam sĩ quan, nữ sĩ quan bằng nhau và không xác định lộ trình tăng tuổi. Hiện nay, số lượng nữ sĩ quan chiếm tỷ lệ thấp (khoảng 3% so với tổng số sĩ quan); hằng năm nguồn bổ sung đầu vào sĩ quan nữ từ tuyển sinh quân sự tại các học viện: Quân y, Hậu cần, Kỹ thuật quân sự, Khoa học quân sự, một số ít được tuyển chọn phong quân hàm sĩ quan và bố trí, sắp xếp ở những chuyên ngành Quân đội không đào tạo được hoặc đào tạo được nhưng còn thiếu so với biên chế, phù hợp với sức khỏe, giới tính và được quan tâm, tạo điều kiện để có thời gian chăm sóc gia đình. Theo quy định của Bộ luật Lao động, lộ trình tuổi nghỉ hưu của lao động nữ năm 2024 là 56 tuổi 04 tháng, sau đó mỗi năm tăng 04 tháng, đến năm 2029 là 58 tuổi, năm 2035 là 60 tuổi. Như vậy, tại thời điểm hiện nay, hạn tuổi phục vụ tại ngũ của nữ sĩ quan cấp Thượng tá trở xuống theo quy định tại dự thảo Luật vẫn thấp hơn tuổi nghỉ hưu của lao động nữ nên không quy định lộ trình tăng tuổi của nữ sĩ quan là phù hợp.

**3. Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi năm 2024 (sửa đổi, bổ sung Điều 15 Luật Sĩ quan) về cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ của sĩ quan.**

Luật quy định số lượng cấp tướng ở từng cấp nhưng không quy định vị trí cụ thể từ cấp Trung tướng trở xuống; Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng và An ninh có cấp bậc quân hàm cao nhất là Thượng tướng; giao Chính phủ quy định cụ thể vị trí có cấp bậc quân hàm cao nhất là Trung tướng, Phó Đô đốc Hải quân, Thiếu tướng, Chuẩn Đô đốc Hải quân.

Việc quy định như trên để thực hiện kết luận của Bộ Chính trị: Luật sửa đổi, bổ sung không quy định những vấn đề cụ thể về tổ chức bộ máy và quân hàm cấp Trung tướng trở xuống trong lực lượng vũ trang mà giao Chính phủ và Bộ Quốc phòng quy định cụ thể theo thẩm quyền để linh hoạt, phù hợp với tính chất, nhiệm vụ trong bố trí lực lượng (tại Văn bản số 10809-CV/VPTW ngày 06/8/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng) và phù hợp với quy định tại Điều 52, Điều 96 Hiến pháp năm 2013, Điều 18 Luật Tổ chức Chính phủ và Điều 7 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước. Mặt khác, việc sửa đổi cũng để linh hoạt, đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn đặt ra đối với một số đơn vị không thay đổi về tên gọi nhưng có sự điều chỉnh, phát triển về quy mô tổ chức, biên chế và bổ sung chức năng, nhiệm vụ phù hợp với chủ trương của Đảng về tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam trong tình hình mới và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Đảng, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, tương thích với quy định của Luật Công an nhân dân.

**4. Khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi năm 2024 (sửa đổi, bổ sung Điều 17 Luật Sĩ quan) về thăng quân hàm đối với sĩ quan tại ngũ.**

Quy định điều kiện về tuổi xét thăng quân hàm từ cấp bậc Đại tá lên Thiếu tướng, Chuẩn Đô đốc Hải quân phải còn ít nhất đủ 03 năm công tác, trường hợp không còn đủ 03 năm công tác khi có yêu cầu do Chủ tịch nước quyết định;

Đồng thời, bổ sung nội dung vào khoản 4 để giao Chính phủ quy định tiêu chí, tiêu chuẩn để xét thăng quân hàm sĩ quan cấp tướng vượt bậc. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể tiêu chí, tiêu chuẩn để xét thăng quân hàm sĩ quan cấp Tá, cấp Úy vượt bậc.

Theo quy định của khoản 3 Điều 17 Luật trước đây, tuổi của sĩ quan tại ngũ xét thăng quân hàm từ cấp bậc Đại tá lên Thiếu tướng, Chuẩn Đô đốc Hải quân không quá 57, phù hợp với quy định về hạn tuổi phục vụ tại ngũ cao nhất của cấp Đại tá là 57 và phù hợp khi bổ nhiệm lên chức vụ có trần quân hàm cấp tướng còn đủ 03 năm theo quy định về bổ nhiệm cán bộ; tuy nhiên, Luật sửa đổi đã tăng hạn tuổi phục vụ cao nhất của sĩ quan cấp Đại tá lên 58, nên sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 17 như trên để bảo đảm chặt chẽ trong xem xét, đề nghị thăng quân hàm và thống nhất với quy định tại khoản 4 Điều 22 Luật Công an nhân dân: “Sĩ quan được xét thăng cấp bậc hàm từ Đại tá lên Thiếu tướng phải còn ít nhất đủ 03 năm công tác; trường hợp không còn đủ 03 năm công tác khi có yêu cầu do Chủ tịch nước quyết định.”.

Khoản 4 Điều 17 Luật trước đây quy định: “Sĩ quan tại ngũ lập thành tích đặc biệt xuất sắc thì được xét thăng quân hàm vượt bậc” nhưng không giao thẩm quyền quy định chi tiết nội dung trên, dẫn đến khó khăn khi áp dụng thực hiện. Việc sửa đổi, bổ sung như trên là quy định cụ thể nội dung Luật Sĩ quan đã quy định để làm căn cứ đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định thăng quân hàm cấp tướng vượt bậc và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định việc thăng quân hàm sĩ quan cấp tá, cấp úy vượt bậc (đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 25 và tương thích với quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật Công an nhân dân); góp

phần động viên kịp thời sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam khi lập thành tích đặc biệt xuất sắc.

**5. Khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi năm 2024 (sửa đổi, bổ sung Điều 18 Luật Sĩ quan) về xét thăng quân hàm và nâng lương sĩ quan trước thời hạn.**

Sửa đổi, bổ sung Điều 18 quy định sĩ quan được xét nâng lương trước thời hạn và giao Chính phủ quy định cụ thể tiêu chí, tiêu chuẩn để xét thăng quân hàm sĩ quan cấp Tướng trước thời hạn. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể tiêu chí, tiêu chuẩn để xét thăng quân hàm sĩ quan cấp Tá, cấp Úy và nâng lương sĩ quan trước thời hạn.

Luật trước đây không quy định sĩ quan được nâng lương trước thời hạn, dẫn đến sĩ quan đang giữ cấp bậc quân hàm cao nhất của chức vụ đảm nhiệm lập thành tích xuất sắc lại chưa có cơ sở để xem xét nâng lương trước thời hạn nên gây bất bình đẳng trong cùng đội ngũ sĩ quan, không tạo ra động lực phấn đấu cho số sĩ quan này. Việc bổ sung quy định để bảo đảm phù hợp, cân đối với pháp luật về cán bộ, công chức, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng và tạo bình đẳng trong đội ngũ sĩ quan, phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.

Đồng thời, thể chế hóa Quy định số 1757-QĐ/BCSĐCP ngày 05/01/2021 của Ban Cán sự Đảng Chính phủ về việc thăng quân hàm cấp tướng trước thời hạn và bảo đảm tương thích, tương đối với Luật Công an nhân dân. Mặt khác, Điều 18 Luật trước đây quy định sĩ quan có thành tích “được xét thăng quân hàm trước thời hạn” nhưng chưa giao thẩm quyền quy định cụ thể tiêu chí, tiêu chuẩn nên khi áp dụng thực hiện chưa thống nhất. Việc bổ sung quy định trên là bảo đảm cơ sở pháp lý để Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể theo thẩm quyền.

**6. Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi năm 2024 (sửa đổi, bổ sung Điều 32 Luật Sĩ quan) về chế độ nghỉ của sĩ quan.**

Luật bổ sung quy định sĩ quan do yêu cầu nhiệm vụ mà không được nghỉ hằng năm thì được thanh toán tiền cho những ngày không nghỉ.

Việc quy định như trên là để thống nhất với quy định của pháp luật về lao động về thanh toán tiền lương cho những ngày chưa nghỉ đối với người lao động; tuy nhiên, Luật trước đây chưa có quy định tương ứng. Mặt khác, khoản 2 Điều 40 Luật Công an nhân dân quy định: “Sĩ quan, hạ sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp và công nhân công an do yêu cầu nhiệm vụ mà không được bố trí nghỉ hằng năm thì ngoài tiền lương còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng tiền lương cho những ngày không nghỉ”. Vì vậy, Luật bổ sung nội dung trên là cần thiết để bảo đảm sĩ quan được hưởng đầy đủ chế độ theo quy định của pháp luật về lao động, cân đối với quy định của Luật Công an nhân dân.

**7. Khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi năm 2024 (sửa đổi, bổ sung Điều 33 Luật Sĩ quan) về chăm sóc sức khỏe đối với sĩ quan và thân nhân sĩ quan tại ngũ.**

Luật sửa đổi, bổ sung một số nội dung, sửa về câu từ tại Điều 33, trong đó bổ sung quy định con đẻ, con nuôi hợp pháp từ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học phổ thông của sĩ quan tại ngũ không có chế độ bảo hiểm y tế thì được cấp thẻ

bảo hiểm y tế.... Việc sửa đổi, bổ sung như trên là để thống nhất với quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và cân đối với quy định của Luật Công an nhân dân.

**8. Khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi năm 2024 (sửa đổi, bổ sung Điều 36 Luật Sĩ quan) về điều kiện nghỉ hưu của sĩ quan.**

Luật bổ sung khoản 3 vào Điều 36 để quy định sĩ quan hết tuổi phục vụ tại ngũ cao nhất theo quy định tại Điều 13 Luật này nếu đã đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên thì được nghỉ hưu là để phù hợp với chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài của Đảng, Nhà nước và “tính chất, nhiệm vụ của Quân đội là ngành lao động đặc biệt”, cụ thể: Ngày 31/7/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 899/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; trong đó, điểm a khoản 2 Mục I đã xác định mục tiêu đến năm 2025: “Xây dựng, hoàn thiện quy định của pháp luật và ban hành khung chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài trong các lĩnh vực: lãnh đạo, quản lý; kinh tế; khoa học và công nghệ; giáo dục và đào tạo; y tế; văn hóa, nghệ thuật; khoa học xã hội; thể dục, thể thao; quân sự, quốc phòng và an ninh quốc gia...”.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật trước đây, các sĩ quan có trình độ chuyên môn chuyên sâu được tuyển dụng từ bên ngoài vào làm công tác nghiên cứu khoa học, thiết kế, chế tạo vũ khí, khí tài quân sự, chuyên môn nghiệp vụ khác..., trong đó nhiều đồng chí trước đó đã có thời gian đóng bảo hiểm xã hội, làm việc ở các cơ quan, đơn vị ngoài Quân đội hoặc là lao động hợp đồng trong các đơn vị, doanh nghiệp Quân đội, có tuổi đời đã cao; nhưng khi hết tuổi theo cấp bậc quân hàm, phải chuyển ra sẽ không đủ 25 năm công tác trong Quân đội để nghỉ hưu. Ví dụ: Những đồng chí là nam sĩ quan trước khi vào Quân đội đã có thời gian đóng bảo hiểm xã hội khoảng 15 năm (tuổi đời là 34 tuổi), nếu công tác trong Quân đội thêm 20 năm nữa thì sẽ có 35 năm đóng bảo hiểm xã hội (tương đương sĩ quan có quân hàm cấp trung tá, tuổi đời là 54 tuổi), nhưng khi chuyển ra sẽ không đủ điều kiện về tuổi đời để nghỉ hưu theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Sĩ quan (điều kiện nghỉ hưu theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội); đồng thời, chưa đủ 25 năm công tác trong Quân đội để nghỉ hưu.

Việc đề xuất bổ sung khoản 3 Điều 36, bảo đảm quy định sĩ quan đủ điều kiện nghỉ hưu phải đáp ứng đủ điều kiện về hạn tuổi phục vụ tại ngũ cao nhất theo cấp bậc quân hàm (theo Luật sửa đổi thì tuổi phục vụ cao nhất: Cấp úy: 50 tuổi; Thiếu tá: 52 tuổi; Trung tá: 54 tuổi; Thượng tá: 56 tuổi; Đại tá: 58 tuổi) và phải có từ đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên (thông thường các trường hợp này đã có từ đủ 20 năm đến 35 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên). Không phải chỉ đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội là đủ điều kiện nghỉ hưu.

Vì vậy, việc bổ sung quy định như trên nhằm bảo đảm quyền lợi của sĩ quan và thống nhất với quy định của Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và phù hợp với thực tiễn hiện nay.

**9. Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi năm 2024 (sửa đổi, bổ sung Điều 38 Luật Sĩ quan) về tuổi phục vụ của sĩ quan dự bị.**

- Luật sửa đổi tăng hạn tuổi phục vụ của sĩ quan dự bị từ 01 đến 02 tuổi; cụ thể: Cấp úy từ 51 lên 53 tuổi, Thiếu tá từ 53 lên 55 tuổi, Trung tá từ 56 lên 57 tuổi, Thượng tá từ 57 lên 59 tuổi, Đại tá từ 60 lên 61 tuổi và cấp tướng giữ nguyên 63 để phù hợp với việc tăng hạn tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan tại Điều 13; vừa giảm số lượng và ngân sách đào tạo sĩ quan dự bị hằng năm, vừa tận dụng được đội ngũ sĩ quan khi nghỉ hưu tiếp tục phục vụ trong ngạch dự bị và số sĩ quan dự bị có kinh nghiệm trong thực tiễn chỉ huy, quản lý, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và xây dựng đơn vị. Mặt khác, việc nâng hạn tuổi cao nhất của sĩ quan dự bị còn để phù hợp với các chức vụ đảm nhiệm có quân hàm tương đương; sẵn sàng động viên, tổng động viên vào phục vụ Quân đội khi đất nước có tình huống xảy ra, đáp ứng nhu cầu sắp xếp, bổ nhiệm vào các đơn vị được khôi phục, mở rộng lực lượng theo quyết tâm bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, nhằm bảo đảm thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Lực lượng dự bị động viên năm 2019: “Độ tuổi sĩ quan dự bị sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên thực hiện theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam”.

- Luật bổ sung quy định hạn tuổi phục vụ cao nhất của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động tại khoản 2, ví: Điểm a khoản 1 Điều 20 Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14 quy định: “Chỉ huy trưởng là Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã, sĩ quan dự bị...”; khoản 2 Điều 5 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự là công chức cấp xã, có tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ luật Lao động. Điều 169 Bộ luật Lao động quy định tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường được điều chỉnh theo lộ trình cho đến khi đủ 62 tuổi đối với lao động nam vào năm 2028 và đủ 60 tuổi đối với lao động nữ vào năm 2035. Tuy nhiên, do quy định Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã là sĩ quan dự bị, chức vụ tương đương với Tiểu đoàn trưởng, có cấp bậc quân hàm sĩ quan dự bị cao nhất là Trung tá, độ tuổi phục vụ của sĩ quan dự bị theo Luật hiện hành là 56 (dự thảo Luật quy định 57), hết tuổi phải giải ngạch và không còn là sĩ quan dự bị, nên vướng mắc trong bố trí, sử dụng. Vì vậy, việc quy định như vậy bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về cán bộ, công chức.

**10.** Khoản 12 Điều 1 Luật sửa đổi năm 2024 (sửa đổi, bổ sung Điều 41 Luật Sĩ quan) về bổ nhiệm chức vụ, phong, thăng quân hàm sĩ quan dự bị.

Luật sửa đổi quy định học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, học viên tốt nghiệp đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở thì căn cứ trình độ đã được đào tạo, kết quả học tập, rèn luyện được phong quân hàm sĩ quan dự bị và bổ sung khoản 6 Điều 41 giao Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết.

Việc sửa đổi, bổ sung như trên để phù hợp với ý kiến Kết luận của Bộ Chính trị về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, trong đó: Đồng ý lực lượng vũ trang (Quân đội nhân dân, Công an nhân dân) có cơ chế đặc biệt để thu hút, trọng dụng nhân tài; giao Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quy định cụ thể (Văn bản

số 10809-CV/VPTW ngày 06/8/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng). Kết luận số 86-KL/TW ngày 24/01/2014 của Bộ Chính trị và Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ quy định về phong, thăng cấp bậc, quân hàm sĩ quan Quân đội, sĩ quan Công an đối với người được thu hút vào lực lượng vũ trang như sau: “Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc được phong quân hàm từ Trung úy và tương đương trở lên, hưởng hệ số lương khởi điểm là 4,60; cán bộ khoa học trẻ có trình độ thạc sĩ được phong quân hàm từ Thượng úy và tương đương trở lên...; cán bộ khoa học trẻ có trình độ tiến sĩ được phong quân hàm từ Đại úy và tương đương trở lên...; cán bộ khoa học trẻ có trình độ tiến sĩ khoa học được phong quân hàm từ Thiếu tá và tương đương trở lên...”.

Thực tiễn, khoản 1 Điều 41 Luật trước đây quy định: “Học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị được phong quân hàm Thiếu úy sĩ quan dự bị”, nhưng thực tế hiện nay đào tạo sĩ quan dự bị gồm nhiều đối tượng: Cán bộ, công chức, viên chức, sinh viên tốt nghiệp đại học, sau đại học, hạ sĩ quan, binh sĩ chuẩn bị xuất ngũ... Mặt khác, Điều 16 Luật trước đây quy định: Học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan tại ngũ được phong quân hàm Thiếu úy; tốt nghiệp loại giỏi, loại khá ở những ngành đào tạo có tính chất đặc thù hoặc có thành tích xuất sắc trong công tác được phong quân hàm Trung úy, trường hợp đặc biệt được phong quân hàm cao hơn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Hạ sĩ quan, binh sĩ trong thời chiến; quân nhân chuyên nghiệp và công chức quốc phòng tại ngũ; cán bộ, công chức ngoài quân đội và những người tốt nghiệp đại học trở lên vào phục vụ tại ngũ được bổ nhiệm giữ chức vụ của sĩ quan thì được phong cấp bậc quân hàm sĩ quan tương xứng. Do đó, việc quy định tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị chỉ phong quân hàm Thiếu úy sĩ quan dự bị là chưa phù hợp với các quy định hiện hành và chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ, nhất là đối tượng học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ trong Quân đội theo chủ trương của Đảng; đồng thời, chưa phù hợp, thống nhất với quy định pháp luật hiện hành.

**11.** Khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi năm 2024 (sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Luật Sĩ quan) về trách nhiệm của Chính phủ, Bộ Quốc phòng.

Khoản 1 Điều 46, Luật bổ sung trách nhiệm của Chính phủ trong việc ban hành cơ chế, chính sách đặc biệt về điều kiện, môi trường làm việc, lương, thưởng, chăm sóc sức khỏe và các chính sách khác để thu hút, trọng dụng nhân tài đối với Quân đội.

Khoản 2 Điều 46, Luật bổ sung trách nhiệm của Bộ Quốc phòng việc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập kế hoạch phát triển nhà ở cho Quân đội.

Việc bổ sung nội dung như trên để Chính phủ, Bộ Quốc phòng có cơ sở pháp lý ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị tại Văn bản số 10809-CV/VPTW ngày 06/8/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng: “Đồng ý lực lượng vũ trang (Quân đội nhân dân, Công an nhân

dân) có cơ chế đặc biệt để thu hút, trọng dụng nhân tài” và Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 06/7/2024 của Chính phủ về đề nghị xây dựng dự án Luật: “...nghiên cứu các chính sách thu hút, giữ chân nhân tài phù hợp với đặc thù của Quân đội nhân dân Việt Nam, đáp ứng nhu cầu phát triển quốc phòng, an ninh...”.

Đồng thời, Bộ Quốc phòng được chủ động phối hợp với các bộ, ngành, địa phương lập kế hoạch phát triển nhà ở xã hội cho Quân đội.

**12. Khoản 14 Điều 1 Luật sửa đổi năm 2024 (bổ sung khoản 5 Điều 47 Luật Sĩ quan) về trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp.**

Luật bổ sung quy định trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc bố trí quỹ đất, thu hồi đất để bàn giao cho Bộ Quốc phòng làm cơ quan chủ quản, triển khai thực hiện chính sách phát triển nhà ở xã hội cho quân đội.

Việc bổ sung quy định nêu trên để thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 24/5/2024 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội trong tình hình mới, yêu cầu: “Nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách đặc thù về nhà ở xã hội cho công nhân và lực lượng vũ trang nhân dân”; đồng thời, ngày 06/8/2024 Bộ Chính trị xem xét đề nghị của Quân ủy Trung ương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, có ý kiến kết luận “Đồng ý lực lượng vũ trang (Quân đội nhân dân, Công an nhân dân) có cơ chế đặc biệt để thu hút, trọng dụng nhân tài” (Văn bản số 10809-CV/VPTW của Văn phòng Trung ương Đảng); Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 01/9/2024 của Chính phủ quyết nghị: Thống nhất định hướng phát triển nhà ở xã hội cho Quân đội; đặc biệt là lực lượng ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo phù hợp với đặc thù của Quân đội và khả năng của địa phương.

Theo Điều 102 Luật Nhà ở năm 2023 quy định Bộ Quốc phòng cung cấp nhu cầu về nhà ở của đối tượng thuộc phạm vi quản lý gửi UBND cấp tỉnh để tổng hợp nên không chủ động được trong xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện; việc điều chỉnh quy hoạch, chương trình, kế hoạch theo quy định của Luật Nhà ở mất nhiều công đoạn trong khi nguồn lực có hạn. Mặt khác, đất quốc phòng không còn nhu cầu sử dụng vào mục đích quốc phòng chuyển giao cho địa phương (khoản 21 Điều 79 Luật Đất đai) để UBND cấp tỉnh đưa vào kế hoạch phát triển nhà ở cho lực lượng vũ trang dẫn đến phụ thuộc vào kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương; trong khi nhu cầu của sĩ quan Quân đội là rất lớn và trải dài trên khắp 63 tỉnh, thành phố nên việc triển khai thực hiện chính sách về nhà ở cho sĩ quan gặp nhiều khó khăn. Trong khi Quân đội có các doanh nghiệp xây dựng, có đủ nhân lực, nguồn lực để triển khai thực hiện các dự án, việc giao cho Quân đội thực hiện góp phần làm giảm áp lực và khó khăn cho các địa phương.

Luật Đất đai năm 2024, Luật Nhà ở năm 2023 giao UBND cấp tỉnh lập kế hoạch phát triển nhà ở cho lực lượng vũ trang theo đề nghị của Bộ Quốc phòng và có trách nhiệm phải bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội; tuy nhiên, Luật chưa quy định việc bố trí quỹ đất và thu hồi đất để giao cho Bộ Quốc phòng, dẫn đến khó bảo đảm tính khả thi. Theo quy định của pháp luật, Bộ Quốc phòng có các cơ quan chuyên môn về đầu tư, xây dựng, quản lý doanh nghiệp và các doanh nghiệp

quốc phòng có chức năng, ngành nghề xây dựng công trình, đủ năng lực để quản lý và triển khai thực hiện các dự án nhà ở.

Vì vậy, Luật bổ sung quy định trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp như trên là thể chế hóa chủ trương của Đảng và thống nhất với quy định về trách nhiệm quản lý nhà ở của Bộ Quốc phòng tại khoản 3 Điều 190 Luật Nhà ở năm 2023; bảo đảm sự chủ động trong triển khai thực hiện chính sách phát triển nhà ở xã hội cho Quân đội, làm giảm khó khăn, áp lực cho chính quyền địa phương và đáp ứng nhu cầu cấp bách về nhà ở của đội ngũ sĩ quan, cho các đối tượng được thụ hưởng trên thực tế.

## **V. TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT**

Để triển khai Luật đảm bảo hiệu quả phù hợp với tình hình thực tiễn, trong thời gian tới các cơ quan, đơn vị, địa phương cần tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi quy định của Luật đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân; nêu cao tinh thần trách nhiệm, tự học tập, nghiên cứu, nắm chắc các quy định của Luật Sĩ quan và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật, vận động đồng đội chấp hành đúng các quy định của luật và thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao; tuyên truyền nhân dân, động viên học sinh, sinh viên tự nguyện vào phục vụ Quân đội, phát triển thành sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam./.